



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP  
DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

***Báo cáo tài chính***

***cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
đã được kiểm toán***



## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY	01-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả kinh doanh	09-09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-39



## **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY**

Ban lãnh đạo điều hành Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) trình bày báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

### **Khái quát về Tổng công ty**

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam là Công ty Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Dầu thực vật Hương liệu mỹ phẩm Việt Nam theo Quyết định số 4799/QĐ-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ Công Thương. Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, đăng ký lần đầu, số 0300585984 ngày 04/12/2009 với vốn điều lệ của Công ty là 674.533.000.000 đồng.

Ngày 08 tháng 6 năm 2010, Bộ Trưởng Bộ Công Thương có quyết định số 3006/QĐ-BCT chuyển Công ty mẹ-Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam sang hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu. Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, đăng ký lần đầu, số 0300585984 ngày 30/7/2010 với vốn điều lệ của Tổng Công ty là 674.533.000.000 đồng.

- Trụ sở chính

Địa chỉ : 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh  
Số điện thoại : 08.38.29.4513 – 38.230.296  
Số Fax : 08.38.293.586  
Mã số thuế : 0300585984

- Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : Số 8 Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội  
Số điện thoại : 04.38.452.721  
Số Fax : 04.37.338.598

Hoạt động chính của Tổng công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu.
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, dầu thực vật, sản phẩm tinh dầu, nông lâm sản có dầu và vật tư thiết bị chuyên dùng phục vụ cho nhiệm vụ của Tổng công ty.
- Khai thác và cung cấp các dịch vụ cảng để xuất nhập khẩu dầu thực vật và các loại hàng hoá khác.
- Đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu.
- Sản xuất, kinh doanh các loại bao bì.
- Chế biến thức ăn chăn nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản).
- Chế biến lương thực, thực phẩm (xay xát lúa mì, mì ăn liền, bánh kẹo, sữa).
- Sản xuất diesel sinh học (biodiesel), bia, nước giải khát (không sản xuất tại trụ sở công ty).



# TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ : 58 Nguyễn Bình Khiêm Q.1, TP. HỒ CHÍ MINH

- Cho thuê kho, bãi, nhà để làm văn phòng làm việc (chỉ thực hiện khi có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt).
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa.

**Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty :** Tổng giám đốc.

## Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Thực hiện quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Tổng công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên.

Ngoài vấn đề nêu trên, Ban lãnh đạo điều hành Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

## Ban Tổng Giám Đốc Tổng Công ty trong năm tài chính 2013

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đỗ Ngọc Khải	Chủ tịch kiêm Tổng Giám Đốc	(Bổ nhiệm ngày 05/07/2010)
Ông Dương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/09/2010)
Ông Đinh Quốc Hưng	Phó Tổng Giám Đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/05/2011)
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Tổng Giám Đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/05/2011)
<b>Trưởng phòng Tài chính kế toán</b>	Ông Hồ Minh Sơn	(Bổ nhiệm ngày 15/3/2012)
<b>Kiểm soát viên</b>	Ông Văn Tích Vĩnh	(Bổ nhiệm ngày 05/7/2010)

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 và bày tỏ nguyện vọng được chỉ định làm kiểm toán viên độc lập cho Tổng công ty.

## Công bố trách nhiệm của Ban lãnh đạo điều hành Tổng công ty trong việc lập báo cáo tài chính

Ban lãnh đạo điều hành Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm tài chính 2013. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban lãnh đạo điều hành Tổng công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau :

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán có liên quan được áp dụng và đã được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;



# TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH M

Địa chỉ : 58 Nguyễn Bình Khiêm Q.1, TP. HỒ CHÍ MINH

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban lãnh đạo điều hành Tổng công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu hành tài chính của Tổng công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm

Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo điều hành Tổng công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính 2013 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.HCM ngày 10 tháng 05 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ NGỌC KHẢI



Số : 353/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo Tài chính năm 2013*

*của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên*

Kính gửi: **Ban lãnh đạo điều hành Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên**

### **Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty), được lập ngày 10/05/2014, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban lãnh đạo điều hành**

Ban lãnh đạo điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần lưu ý

Như đã trình bày tại khoản 1, mục III-Chế độ kế toán áp dụng, Tổng công ty đang trong quá trình cổ phần hóa, giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nguồn vốn đã được Tổng công ty điều chỉnh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo hướng dẫn tại Thông tư 106/2008/TT-BTC ngày 17/11/2008 của Bộ Tài Chính. Theo đó, các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đã được hoàn nhập khi xác định giá trị doanh nghiệp và không xem xét tái trích lập dự phòng của các khoản mục này tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2013.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2014

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**

**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS**

**Tổng Giám Đốc**



**Đỗ Khắc Thanh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

**Kiểm toán viên**

**Tạ Quang Tạo**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0055-2013-142-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm ( Xem thuyết minh số 2.5 mục VII)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>1.117.842.102.377</b>	<b>1.042.976.404.265</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>142.066.285.155</b>	<b>103.306.499.671</b>
1. Tiền	111		142.066.285.155	103.306.499.671
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>690.018.521.801</b>	<b>596.790.098.651</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	<b>V.2</b>	631.244.726.311	541.367.728.339
2. Trả trước cho người bán	132	<b>V.3</b>	3.108.350.692	2.480.628.191
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>V.4</b>	55.665.444.798	52.941.742.121
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>240.781.754.357</b>	<b>268.379.544.891</b>
1. Hàng tồn kho	141		240.781.754.357	268.379.544.891
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>44.975.541.064</b>	<b>74.500.261.052</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.970.567.317	3.563.759.613
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	<b>V.6</b>	22.527.766.173	53.745.571.836
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	<b>V.7</b>	15.921.033.628	16.356.599.003
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>V.8</b>	1.556.173.946	834.330.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>1.513.545.147.743</b>	<b>1.367.868.555.375</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>135.000.000</b>	<b>135.000.000</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218	<b>V.9</b>	135.000.000	135.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>260.907.596.013</b>	<b>286.469.614.144</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.10</b>	258.009.397.270	283.294.417.501
- Nguyên giá	222		398.534.813.172	400.669.240.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(140.525.415.902)	(117.374.822.937)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.11</b>	2.493.712.224	2.871.610.092
- Nguyên giá	228		4.660.083.240	4.660.083.240
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.166.371.016)	(1.788.473.148)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>V.12</b>	404.486.519	303.586.551
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.233.188.832.079</b>	<b>1.060.547.977.129</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>V.13</b>	487.067.654.000	517.738.860.823
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>V.14</b>	746.121.178.079	542.809.116.306
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.313.719.651</b>	<b>20.715.964.102</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.15</b>	19.313.719.651	20.715.964.102
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.631.387.250.119</b>	<b>2.410.844.959.639</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm ( Xem thuyết minh số 2.5 mục VII)</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ ( 300 = 310 + 330 )</b>	<b>300</b>		<b>1.364.852.696.868</b>	<b>1.192.779.688.792</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.344.523.159.892</b>	<b>1.160.182.911.762</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	<b>V.16</b>	1.145.022.421.927	979.329.537.186
2. Phải trả cho người bán	312	<b>V.17</b>	156.448.429.445	131.491.913.335
3. Người mua trả tiền trước	313	<b>V.18</b>	2.590.001.831	3.611.417.422
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	<b>V.19</b>	816.176.137	18.786.896.922
5. Phải trả người lao động	315		15.000.000.000	5.500.000.000
6. Chi phí phải trả	316	<b>V.20</b>	2.879.284.608	2.850.225.228
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	<b>V.21</b>	10.565.197.070	1.469.429.557
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11.201.648.874	17.143.492.112
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.329.536.976</b>	<b>32.596.777.030</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	<b>V.22</b>	20.329.536.976	32.596.777.030
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU ( 400 = 410 + 430 )</b>	<b>400</b>		<b>1.266.534.553.251</b>	<b>1.218.065.270.847</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.23</b>	<b>1.266.534.553.251</b>	<b>1.218.065.270.847</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		674.533.000.000	674.533.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		81.359.525.847	71.583.313.591
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		496.272.848.687	496.272.848.687
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.070.686.075	(24.622.384.073)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		298.492.642	298.492.642
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.631.387.250.119</b>	<b>2.410.844.959.639</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (*)		82.879.691.965	1.043.316.369
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD	<b>V.1</b>	33.471.011.417	6.299.041.553
- EUR		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

(\*) Trong đó, Tài sản nhận giữ hộ là tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp, bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản không cần dùng:		
Trong đó: - Tài sản cố định (Nguyên giá)	809.777.528	809.777.528
- Tài sản lưu động	196.392.750	196.392.750
- Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi:		
Trong đó: - Tài sản cố định (Nguyên giá)	37.146.091	37.146.091

Tp. HCM, ngày 10 tháng 05 năm 2014

Người lập biểu



**TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG**

Trưởng phòng  
Tài chính kế toán



**HỒ MINH SƠN**

Tổng Giám đốc



**ĐỖ NGỌC KHẢI**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	số 2.5 mục VII)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.24	4.192.660.770.183	3.694.441.389.511
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.25	-	2.246.717.440
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	V.26	<b>4.192.660.770.183</b>	<b>3.692.194.672.071</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	V.27	4.050.661.500.201	3.636.396.838.531
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>141.999.269.982</b>	<b>55.797.833.540</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.28	102.261.314.541	125.203.133.955
7. Chi phí tài chính	22	V.29	62.346.698.255	48.757.466.110
Trong đó: chi phí lãi vay	23		53.675.419.162	46.558.237.214
8. Chi phí bán hàng	24	V.30	68.862.108.493	65.893.058.329
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.31	66.911.630.630	60.368.707.452
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>46.140.147.145</b>	<b>5.981.735.604</b>
11. Thu nhập khác	31	V.32	5.610.450.344	13.342.883.664
12. Chi phí khác	32	V.33	3.281.315.085	1.001.577.070
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.329.135.259</b>	<b>12.341.306.591</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>48.469.282.404</b>	<b>18.323.042.195</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	V.34	<b>48.469.282.404</b>	<b>18.323.042.195</b>

Người lập biểu



TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG

Trưởng phòng  
 Tài chính kế toán



HỒ MINH SƠN

Tp. HCM ,ngày 10 tháng 05 năm 2014

Tổng Giám đốc



ĐỖ NGỌC KHẢI

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước ( Xem thuyết minh số 2.5 mục VII)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>48.469.282.404</b>	<b>18.323.042.195</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	<b>V.10,11</b>	25.077.241.968	25.445.288.758
- Các khoản dự phòng	03		-	174.343.121
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(30.088.083)	(4.847.141.152)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(98.301.229.477)	(111.021.705.532)
- Chi phí Lãi vay	06		53.675.419.162	46.558.237.214
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>28.890.625.974</b>	<b>(25.367.935.396)</b>
- Tăng/giảm Các khoản phải thu	09		(58.329.695.458)	(45.714.165.592)
- Tăng/giảm Hàng tồn kho	10		27.597.790.534	(21.031.477.276)
- Tăng/giảm Các khoản phải trả (không kể Lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		24.503.250.069	16.210.483.642
- Tăng/giảm Chi phí trả trước	12		715.517.246	5.694.373.019
- Tiền Lãi vay đã trả	13		(53.589.462.604)	(46.702.466.998)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.292.450.000	205.925.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.120.575.073)	(3.802.863.762)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(36.040.099.312)</b>	<b>(120.508.127.363)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(266.895.493)	(1.517.908.669)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(151.200.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		72.893.174.527	43.836.567.706
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(78.573.720.966)</b>	<b>42.318.659.037</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước ( Xem thuyết minh số 2.5 mục VII)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.814.166.806.709	2.760.696.332.842
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.660.737.187.421)	(2.708.396.531.753)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>153.429.619.288</b>	<b>52.299.801.089</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>38.815.799.010</b>	<b>(25.889.667.237)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>103.306.499.671</b>	<b>129.206.308.180</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(56.013.526)	(10.141.272)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>142.066.285.155</b>	<b>103.306.499.671</b>

Người lập biểu



**TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG**

Trưởng phòng  
Tài chính kế  
toán



**HỒ MINH SƠN**

Tp. HCM ,ngày 10 tháng 05 năm 2014

Tổng Giám đốc




**ĐỖ NGỌC KHẢI**